

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH QN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Một.
- Các hội thẩm nhân dân:
 - + Ông Nguyễn Đăng Thám.
 - + Bà Trần Thị Xuân Tiên.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân huyện TB.
- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2021/TLST -HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 06/7/1990 tại TB, QN; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB, tỉnh QN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 10/12; tên cha: Nguyễn Văn M - Sinh năm: 1962; tên mẹ: Hồ Thị N - Sinh năm: 1961; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai, bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 02/6/2020, bị TAND huyện Quế Sơn, tỉnh QN xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong vào ngày 27/4/2021. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/10/2021, đến ngày 27/10/2021 áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên Tòa.

2. Cao Xuân D; Tên gọi khác: Cao Cu; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/9/1972 tại TB, QN; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Trà Đóa 2, xã Bình Đào, huyện TB, tỉnh QN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 8/12; tên cha: Cao T (chết); tên mẹ: Trần Thị O (chết); Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ năm, bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:
 - + Ông Võ Văn B- Sinh năm 1969. Vắng mặt.
Trú tại: Thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB, tỉnh QN.
 - + Ông Nguyễn Văn T- Sinh năm 1964. Vắng mặt.
Trú tại: Thôn Bình Túy, xã Bình Giang, huyện TB, tỉnh QN.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Phan Thanh Đ- Sinh năm 1991. Vắng mặt.
Trú tại: Thôn Trà Đóa 1, xã Bình Đào, huyện TB, tỉnh QN.
+ Đinh Tung H- Sinh năm 1994. Vắng mặt.
Trú tại: Xã Hồng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.
+ Phan Thị B - Sinh năm 1953. Vắng mặt.
Trú tại: Thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB, tỉnh QN.
- Người làm chứng: Võ Duy H – Sinh năm 1993. Vắng mặt.
Trú tại: Thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB, tỉnh QN.
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Duy T:
+ Ông Nguyễn Văn M - Sinh năm 1962. Là cha ruột của bị cáo. Có mặt.
+ Bà Hồ Thị N - Sinh năm 1961. Là mẹ ruột của bị cáo. Vắng mặt.
Cùng trú tại: Thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB, tỉnh QN.
- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T: Ông Trần Quang - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh QN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/6/2020, Tòa án nhân huyện Quế Sơn xử phạt Nguyễn Duy T 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Vào các ngày 30/4/2021 và ngày 09/6/2021, Nguyễn Duy T 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp, trong đó có 01 lần cùng với Cao Xuân D thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào tối ngày 30/4/2021, Nguyễn Duy T uống rượu cùng với anh Phan Thanh Đ- Sinh năm: 1991, trú: Thôn Trà Đóa 1, xã Bình Đào, huyện TB tại tổ 1, thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Duy T mượn xe mô tô biển kiểm soát 92H6-6386 của anh Đ để đi mua thuốc lá và card điện thoại, khi đến trước nhà ông Võ Văn Bốn, thấy nhà ông Bốn tắt điện đi ngủ, T dừng xe BKS 92H6-6386 ở ngoài cổng đi vào hiên nhà ông Bốn lấy trộm 02 bao đậu phộng và chở đến bãi cát thuộc tổ 13, thôn Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện TB cất giấu. Sau đó T điều khiển xe BKS 92H6-6386 quay trở lại nhà ông Bốn lấy trộm tiếp 01 bao đậu phộng, trên đường chuyển đi cất giấu bị anh Võ Duy H phát hiện giữ T lại và gọi điện thoại báo Công an xã Bình Giang đến làm việc. Quá trình điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện TB kết luận: 03 bao tải lát bên trong chứa đậu phộng đã phơi khô có tổng khối lượng là 84 kg trị giá 2.520.000 đồng.

**Vật chứng vụ án:* Cơ quan CSĐT tạm giữ 03 bao đậu phộng tổng khối lượng 84 kg; 01 xe mô tô BKS 92H6-6386. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT trả lại cho chủ sở hữu.

Lần thứ hai: Vào khoảng 14 giờ ngày 09/6/2021, Nguyễn Duy T và Cao Xuân D đi nhậu tại xã Bình Dương, huyện TB xong, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát

73C1-067.35 (xe này T mượn của anh Đinh Tung H, sinh năm: 1994, trú: xã Hồng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình) chở D đi về, trên đường đi về T nói với D xem nhà nào không đóng cửa thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 15 giờ ngày 09/6/2021, khi đi ngang qua thôn Bình Túy, xã Bình Giang, huyện TB, T thấy nhà ông Nguyễn Văn T không có ai ở nhà, nên T rủ D vào nhà ông T trộm cắp tài sản, D đồng ý. D đứng ngoài sân giữ xe và canh chừng, còn T mở cửa đi vào nhà ông T lấy trộm 03 can dầu phộng để ở phòng bếp, sau đó T và D đem 03 can dầu cất giấu tại nhà D. Đến 18 giờ cùng ngày T và D đem 01 can dầu phộng bán cho bà Phan Thị B được số tiền 800.000 đồng, T và D chia nhau mỗi người 400.000 đồng. Ngày 10/6/2021, ông T làm đơn báo cáo sự việc đến Công an xã Bình Giang, sau khi tiếp nhận thông tin, Công an xã Bình Giang phối hợp với Công an huyện TB tiến hành điều tra, xác minh, T và D thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

** Vật chứng vụ án:*

Cơ quan CSĐT tạm giữ tại nhà Cao Xuân D 02 can dầu gồm 01 can khối lượng 24 kg và 01 can khối lượng 26 kg, tạm giữ tại nhà bà Phan Thị B 01 can dầu khối lượng 08 kg.

Theo kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 01/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TB kết luận: 03 can dầu phộng trị giá 6.380.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKSTB-HS ngày 09/12/2021 viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T và Cao Xuân D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

* Tại hồ sơ vụ án những bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có lời khai như nội dung cáo trạng truy tố. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị B đã được các bị cáo bồi thường cho bà số tiền 800.000 đồng mà bà đã mua 01 can dầu phộng của bị cáo.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối các bị cáo; giữ nguyên tội danh và khung hình phạt đối với các bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân T tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản bị trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho các bị hại, bị cáo Cao Xuân D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo Nguyễn Duy T là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội 02 lần và thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo

Cao Xuân D không có tình tiết tăng nặng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T và Cao Xuân D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Đối với Nguyễn Duy T: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 09 đến 12 tháng tù.

Đối với Cao Xuân D: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Cao Xuân D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Những vấn đề liên quan:

Khi cho T mượn xe mô tô BKS 92H6-6386, anh Phan Thanh Đ không biết Nguyễn Duy T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan CSĐT đã trả lại xe BKS 92H6-6386 cho anh Đ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Khi cho T mượn xe mô tô BKS 73C1-067.35, anh Đinh Tung H không biết Nguyễn Duy T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Nguyễn Duy T và Cao Xuân D bán cho bà Phan Thị B 01 can dầu phộng khối lượng 08 kg được số tiền 800.000 đồng. Khi mua can dầu này bà B không biết đây là tài sản do T và D trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét và hiện nay bà B đã được các bị cáo trả lại số tiền đã bán dầu phộng cho bà B nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa người người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy T có quan điểm bào chữa như sau: Bị cáo Nguyễn Duy T khi phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết được quy định tại các điểm q, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất do đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo có điều kiện chữa bệnh, lao động trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Duy T là ông Nguyễn Văn M thống nhất với bản cáo trạng và lời bào chữa của ông Trần Quang, không trình bày ý kiến bổ sung gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TB, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham

gia tổ tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của Nguyễn Duy T và Cao Xuân D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 30/4/2021, Nguyễn Duy T vào nhà ông Võ Văn Bláy trộm 03 bao đậu phộng tổng khối lượng 84kg, trị giá tài sản bị chiếm đoạt 2.520.000 đồng và vào khoảng 15 giờ ngày 09/6/2021, Nguyễn Duy T và Cao Xuân D vào nhà ông Nguyễn Văn T trộm cắp 03 can dầu phộng tổng khối lượng 58kg. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 6.380.000 đồng. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB nên xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có điều kiện để lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, tuy nhiên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 lần tại nhà ông Nguyễn Văn T song chỉ là nhất thời bộc phát, không có sự thống nhất bàn bạc từ trước nên hành vi của các bị cáo không phải phạm tội có tổ chức.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo Nguyễn Duy T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản: Ngày 02/6/2020, bị TAND huyện Quế Sơn, tỉnh QN xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học tu chí, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo, trong vụ án này bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và thuộc trường hợp tái phạm; trong lần phạm tội cùng với Cao Xuân D tại nhà ông Nguyễn Văn T bị cáo là người rủ rê và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 03 can dầu phộng. Lần này bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nên Hội đồng xét xử xét cần cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Cao Xuân D: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo là người

bị rủ rê, lôi kéo và có vai trò thứ yếu, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải cách ly mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Duy T và Cao Xuân D phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt:

- Đối với Nguyễn Duy T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước đó là 15 (Mười lăm) ngày (Từ ngày 13/10/2021 đến ngày 27/10/2021).

- Đối với Cao Xuân D: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Cao Xuân D 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/01/2022).

Giao bị cáo Cao Xuân D cho UBND xã Bình Đào, huyện TB, tỉnh QN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Duy T và Cao Xuân D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- VKS nhân dân tỉnh QN;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Công an huyện TB;
- Những người TGT.
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Một